

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1042/2018/HC-ST

Ngày: 06/8/2018

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai trong
trường hợp bồi thường, hỗ trợ
thiệt hại, tái định cư khi nhà
nước thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hàn Hòa Thuận
2. Ông Hà Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 25/7; 06/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 216/2017/TLST-HC ngày 13/6/2017 về việc “ Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2741/2018/QĐST-HC ngày 21/6/2018; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 5358/2018/QĐST-HC ngày 10/7/2018 và số 5713/2018/ QĐST-HC ngày 25/7/2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Trần Ngọc D**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 15 Quốc lộ 13, khu phố 3, phường HBC, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tầng 5B, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố H

(Hợp đồng ủy quyền số Công chứng 006024 ngày 11 và 12/4/2017).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận T

Trụ sở: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Bình Thới, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hữu Anh T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T

(Giấy ủy quyền số 3090/GUQ-UBND ngày 19/7/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Ngô Văn V – Chuyên viên Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận T.

- Ông Nguyễn Nam K – Chuyên viên Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận T.

NỘI D V U Á N:

Ngày 16/01/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố H (Ủy ban Thành phố) ban hành Quyết định số 220/QĐ-UB để phê duyệt Phương án số 1227/PAĐB ngày 28/12/2001 của Hội đồng thẩm định đền bù – giải phóng mặt bằng thành phố thẩm định ngày 02/01/2002 (gọi Phương án 1227) về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư (giai đoạn 1) của Dự án B.O.T đầu tư xây dựng cầu và đường Bình Triệu II khu vực đầu cầu Bình Triệu phường HBC, quận T đầu tư theo hình thức B.O.T trong nước (gọi dự án Bình Triệu II).

Ngày 05/4/2002, Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định 1542/QĐ-UB về điều chỉnh Phương án 1227.

Ngày 10/4/2002, Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định số 1556/QĐ-UB (gọi Quyết định 1556) về giao đất cho Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 5 sử dụng để xây dựng cầu và đường Bình Triệu II đầu tư theo hình thức B.O.T trong nước (gọi dự án Bình Triệu II).

Ngày 07/6/2003, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận T lập Biên bản trị giá bồi thường – Hỗ trợ số 17 để xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Trần Ngọc D với tổng số tiền 523.763.768đồng.

Ngày 09/6/2003, Ủy ban nhân dân quận T (Ủy ban Thủ Đức) ban hành Quyết định số 483/QĐ-UB (gọi Quyết định 483) về việc chi trả tiền bồi thường – hỗ trợ cho bà D có phần đất thuộc thửa 19 tờ bản đồ 3, diện tích đất nằm trong ranh giải tỏa 98,50m².

Ngày 11/7/2003, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận T bổ sung Biên bản trị giá bồi thường – hỗ trợ số 276 để xác định giá trị đền bù, hỗ trợ cho hộ bà D với tổng số tiền 63.264.024đồng.

Ngày 04/01/2008 Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND (gọi Quyết định 19) về việc thu hồi đất tại các quận Tân Bình, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh và quận T để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng tuyến đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài.

Ngày 09/6/2008 Hội đồng bồi thường thiệt hại – Giải phóng mặt bằng quận T ban hành Phương án số 26/PABT-HĐBT (Phương án 26) về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài trên địa bàn quận T. Phương án này đã được phê duyệt theo Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 12/6/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức)

Ngày 15/7/2008 Ủy ban Thủ Đức ban hành Quyết định số 1785/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 140,9m² tại phường HBC, quận T do hộ bà Trần Ngọc D sử dụng để thực hiện dự án (trong đó có 96,9m² đã được UBND thành phố ban hành Quyết định 1556/QĐ-UB ngày 10/04/2002 về việc giao đất cho Tổng Công ty xây dựng Công trình giao thông 5 sử dụng để xây cầu và đường Bình Triệu 2 đầu tư theo hình thức B.O.T trong nước). Đất thuộc một phần thửa số 40, tờ Bản đồ số 124, phường HBC, quận T theo Bản đồ dự án tuyến đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 27/9/2007, Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 05/11/2007.

Ngày 07/6/2012, Ủy ban Thành phố ban hành Công văn số 2671/UBND-ĐTMT (Công văn 2671) về bồi thường hỗ trợ đối với các hộ dân bị trùng ranh giữa 2 dự án.

Ngày 23/12/2012, Ủy ban Thủ Đức ban hành Quyết định số 6068/QĐ-UBND về chi trả tiền bồi thường, bổ sung chênh lệch giá phần diện tích trùng ranh giữa 2 dự án cho bà D với số tiền 908.715.507đồng.

Ngày 29/6/2013, Ủy ban Thành phố ban hành Công văn số 3223/UBND-PCNC (Công văn 3223) về xử lý đơn khiếu nại của 04 hộ dân có đất bị thu hồi trùng ranh giữa 2 dự án.

Ngày 13/11/2013, Ủy ban Thủ Đức ban hành Quyết định số 6397/QĐ-UBND (Quyết định 6397) về chi trả tiền bồi thường – hỗ trợ bổ sung do chênh lệch giá phần diện tích đất trùng ranh giữa dự án cầu đường Bình Triệu II và dự án xây dựng tuyến đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài, kèm Biên bản xác định trị giá bồi thường số 214/BB-BT ngày 15/10/2013 và Phiếu chi trả bổ sung số 214/PC-BT ngày 13/11/2013 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận T. Theo nội D Quyết định 6397 thì số tiền chi trả cho bà D cụ thể như sau:

- Bồi thường phần đất trước đây nằm ngoài dự án cầu Bình Triệu II theo đơn giá Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: 1.903.307.500đồng;

- Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc, công trình phụ theo đơn giá Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: 314.903.700đồng;

- Khấu trừ số tiền bồi thường, hỗ trợ đã nhận trong dự án cầu Bình Triệu II theo Phiếu chi trả đền bù và Biên bản giao nhận tiền đền bù, trợ cấp giải tỏa và cam kết giải tỏa nhà đất: - 521.614.968đồng;

- Khấu trừ số tiền lãi suất phát sinh từ ngày nhận tiền Bình Triệu II đến ngày 12/6/2008: - 268.730.378đồng;

- Khấu trừ số tiền bổ sung vật kiến trúc trong dự án Bình Triệu II nhận năm 2009: - 74.814.025 đồng;

- Khấu trừ số tiền bổ sung phần chênh lệch dự án cầu Bình Triệu II và dự án Tân Sơn Nhất – Bình Lợi nhận năm 2012: - 908.715.507đồng.

Tổng cộng số tiền bồi thường – hỗ trợ bổ sung là : 444.336.322đồng.

Trong các khoản trên bà D không chấp nhận khoản bị khấu trừ tiền lãi suất phát sinh 268.730.378 đồng, ngày 04/7/2016 bà D có đơn yêu cầu Ủy ban Thủ Đức phải hoàn trả. Ngày 09/8/2016 Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức ban hành Văn bản số 3171/UBND-GPMB (gọi Văn bản 3171) về việc thông tin cho bà D biết việc yêu cầu được nhận lại khoản tiền lãi suất này không có cơ sở giải quyết.

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2017, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/7/2017 người khởi kiện bà Trần Ngọc D có ông Trịnh Văn H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Việc Nhà nước thu hồi đất của bà D để thực hiện dự án bà D đồng ý giao đất và không có ý kiến. NH do Quyết định 6397 và Văn bản 3171 đã tính bồi

thường, hỗ trợ đối với 14,45 m² theo đơn giá 7.450.000 đồng/m² và không chấp nhận hoàn trả tiền lãi suất do trùng ranh giữa 2 dự án là không thỏa đáng, thiệt hại cho bà D. Từ lý do này bà D yêu cầu hủy bỏ Quyết định 6397 và Văn bản 3171, để Ủy ban Thủ Đức tính lại giá trị bồi thường đối với phần diện tích 14,45 m² theo đơn giá 18.230.000 đồng/m² và trả lại khoản tiền lãi đã bị khấu trừ là 268.730.378 đồng.

** Tại Văn bản số 3210/UBND-GPMB ngày 27/7/2017 và Văn bản 2163/UBND-GPMB ngày 14/5/2018 người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T có ông Nguyễn Hữu Anh T đại diện theo ủy quyền có ý kiến như sau:*

1/ Về thời hiệu:

- Quyết định 6397, căn cứ Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính đã hết thời hiệu;
- Văn bản 3171, chỉ là văn bản hành chính thông thường, thông tin, giải thích các nội D liên quan. Không phải là quyết định giải quyết khiếu nại.

2/ Về nội D:

Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá phần diện tích trùng ranh giữa 2 dự án đối với hộ bà D đã thực hiện đúng theo chủ trương của Ủy ban thành phố tại Công văn 2671 và Văn bản 3223. Do đó, Ủy ban Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức vẫn giữ nguyên nội D của Quyết định 6397 và Văn bản 3171.

Tại phiên tòa:

* Người khởi kiện bà Trần Ngọc D có ông Trịnh Văn H đại diện trình bày:

Bà D khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định 6397 và Văn bản 3171, để Ủy ban Thủ Đức tính lại giá trị bồi thường đối với phần diện tích 14,45m² theo đơn giá 18.230.000đồng/m² và trả lại khoản tiền lãi đã bị khấu trừ là 268.730.378đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà D xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

- Liên quan đến khoản tiền lãi đã bị khấu trừ là 268.730.378đồng trong Quyết định 6397 và Văn bản 3171 có nêu, bà D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện;
- Đối với phần diện tích 14,45m², bà D yêu cầu Ủy ban Thủ Đức bồi thường theo đơn giá đất ở 18.230.000 đồng/m², bà D không yêu cầu giải quyết.

* Người bị kiện Ủy ban Thủ Đức có ông Nguyễn Hữu Anh T đại diện theo ủy quyền xin vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu:

Nguồn gốc khu đất của bà D được hình thành qua các thời kỳ được phân chiết thửa như sau: Theo tài liệu 299/TTg tổng diện tích 195,6 m², trong đó: 13,90m² thuộc thửa 497; 181,7m² thuộc thửa 498; Theo tài liệu đo 1991 tổng diện tích 195,6m², trong đó: 173,20m² thuộc thửa 439 (có 1,0 m² là loại đất a2); 22,40m² thuộc thửa 440 (13,4 m² là loại đất a2); Theo tài liệu đo 2005 tổng diện tích 195,6m², trong đó: 181,20m² thuộc thửa 40; đất đường 14,40m².

Ủy ban Thủ Đức ban hành Quyết định 6397 và Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức ban hành Văn bản 3171 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà D.

Đối với phần diện tích 14,45m² bà D yêu cầu Ủy ban Thủ Đức bồi thường theo đơn giá đất ở 18.230.000 đồng/m², nay bà D không yêu cầu giải quyết, người bị kiện không có ý kiến, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu:

- Về tố tụng:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội D:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Quyết định 6397 và Văn bản 3171 Ủy ban Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức ban hành có một phần nội D liên quan việc khấu trừ tiền lãi phát sinh của bà D không đúng quy định pháp luật, yêu cầu của bà D có cơ sở. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc hủy một phần Quyết định 6371 và Văn bản 3171.

Đối với phần diện tích 14,45m² bà D yêu cầu Ủy ban Thủ Đức bồi thường theo đơn giá đất ở 18.230.000đồng/m², tại phiên tòa bà D không yêu cầu giải quyết nữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không có ý kiến, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự tranh luận, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến.

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử,

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về vắng mặt người tham gia tố tụng:

Tại các đơn ngày 10/8/2017 và 15/6/2018, ông Nguyễn Hữu Anh T là đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện của người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng hành chính, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 13/4/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/7/2017 bà Trần Ngọc D khởi kiện Quyết định 6397/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban Thủ Đức, Quyết định này quy định về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và khấu trừ tiền lãi suất, bà D không đồng ý, ngày 04/7/2016 đã gửi đơn yêu cầu Ủy ban Thủ Đức hoàn trả lại tiền lãi suất bị khấu trừ và ngày 09/8/2016 Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức ban hành Văn bản 3171, trong văn bản này Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức xác định yêu cầu được nhận lại tiền lãi suất bị khấu trừ của bà D không có cơ sở giải quyết. Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31; điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính và Điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Quyết định 6397 và Văn bản 3171 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền ban hành Quyết định 6397 và Văn bản 3171:

Quyết định 6397 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất, nhà, cấu trúc, tài sản trên đất và các khoản chính sách khác; Văn bản 3171 về giải quyết khiếu nại do Ủy ban Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức ban hành đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 138 Luật đất đai năm 2003 và điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

[3] Về nội D:

Theo nội D Quyết định 6397, Ủy ban Thủ Đức buộc bà D phải chịu và cản trở vào tiền bồi thường mà bà D đã nhận của dự án Bình Triệu II vào năm 2002. Ủy ban Thủ Đức cho rằng cơ sở để tính lãi suất với bà D là căn cứ vào

Công văn 2671 và Công văn 3223. Trong nội D hai công văn này Ủy ban Thành phố chỉ có ý kiến chấp thuận đề nghị và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp dưới và các cơ quan trực thuộc về việc xử lý đơn khiếu nại của 04 hộ dân và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân có đất bị thu hồi trùng ranh giữa Dự án Bình Triệu II và Dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai, Thủ Đức, không phải là văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh chung cho một dự án. Theo quy định của Luật đất đai khi thu hồi đất phải có phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư, phương án phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và phải được công bố công khai, có hiệu lực thi hành. Việc khấu trừ số tiền lãi suất phát sinh từ ngày nhận tiền của Dự án Bình Triệu II đến ngày 12/6/2008 của các hộ dân được bồi thường, hỗ trợ trong dự án Tân Sơn Nhất – Bình Lợi, cụ thể là đối với trường hợp của bà D là một trong những nội D liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất phục vụ cho Dự án Tân Sơn Nhất – Bình Lợi. Nội D này phải được quy định cụ thể trong phương án, NH trong Phương án 26 không quy định. Trong Điều 1 của Quyết định 6397 Ủy ban Thủ Đức đã khấu trừ khoản tiền lãi suất 268.730.378 đồng mà bà D đã nhận của Dự án Bình Triệu II và trong Văn bản 3171 Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức không chấp nhận yêu cầu được hoàn trả khoản tiền lãi suất này của bà D là không có cơ sở, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận, ý kiến người bị kiện và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện về bác yêu cầu khởi kiện của bà D không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với quy định pháp luật được chấp nhận.

Đối với phần diện tích 14,45m², bà D yêu cầu Ủy ban Thủ Đức phải bồi thường theo đơn giá đất ở 18.230.000 đồng/m², bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

/3/ Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà D không phải chịu và Ủy ban Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban Thủ Đức phải chịu theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

Căn cứ Điều 138 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc D.

- Hủy phần nội D “- *Khấu trừ số tiền lãi suất phát sinh từ ngày nhận tiền Bình Triệu 2 đến ngày 12/6/2008: -268.730.378 đ* “ được nêu tại Điều 1 Quyết định số 6397/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân Thủ Đức về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung do chênh lệch giá phần diện tích đất trùng ranh giữa Dự án cầu đường Bình Triệu II và Dự án xây dựng tuyến đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài.

- Hủy Công văn số 3171/UBND-GPMB ngày 09/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận T điều chỉnh lại giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Ngọc D trong Dự án xây dựng tuyến đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân quận T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng);

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Hoàn lại cho bà Trần Ngọc D 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0034244 ngày 22/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPH;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPH;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPH;
- Cục Thi hành án dân sự TPH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phụng